

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2018/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Điều 5 và Điều 6 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 5 và Điều 6 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 và Điều 6 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

1. Định mức phân bổ vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng tại điểm b khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Đối với vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng/xã/năm. Phân bổ vốn theo thứ tự ưu tiên đối với 19 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo trong năm kế hoạch thuộc giai đoạn 2018-2020 cụ thể: năm 2018 bố trí cho 7 xã, năm 2019 bố trí cho 6 xã, năm 2020 bố trí cho 6 xã”.

2. Phương pháp tính định mức phân bổ vốn tại điểm d khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Phương pháp tính định mức phân bổ vốn:

- Định mức phân bổ đối với xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo là: 30 triệu đồng/xã/năm (trừ các xã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã lên phường, thị trấn)”

- Định mức phân bổ cho Sở Lao động Thương binh và xã hội = Số lượng người lao động được hỗ trợ theo kế hoạch x Định mức hỗ trợ bình quân/01 lao động;

- Định mức phân bổ vốn cho các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP:

Tổng nguồn vốn sự nghiệp cho một huyện = A x X

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện nghèo được xác định như sau:

$$A = \frac{\left(\begin{array}{c} \text{Tổng kinh phí} \\ \text{sự nghiệp của Trung ương} \\ \text{giao cho tỉnh thực hiện} \\ \text{Tiểu dự án 4} \end{array} \right) - \left(\begin{array}{c} \text{Kinh phí phân bổ} \\ \text{cho các xã ĐBKK} \\ \text{vùng bãi ngang} \\ \text{ven biển và hải đảo} \end{array} \right) - \left(\begin{array}{c} \text{Kinh phí giao} \\ \text{cho Sở Lao động} \\ \text{Thương binh và Xã hội} \end{array} \right)}{\text{Tổng hệ số theo tiêu chí của các huyện nghèo trên địa bàn tỉnh}}$$

X: Tổng các hệ số theo nhóm tiêu chí (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo) của huyện nghèo”.

3. Điểm b Khoản 4 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau::

“Giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội 40 % tổng kinh phí phân bổ thực hiện Dự án 4; Giao cho Sở Thông tin và Truyền thông, UBND 6 huyện miền núi và UBND huyện Lý Sơn 60% tổng kinh phí phân bổ thực hiện Dự án 4”.

4. Điểm b, điểm c khoản 5 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Tiêu chí phân bổ:

Đơn vị hành chính

Đơn vị hành chính	Hệ số
Huyện có số xã dưới 5 xã	0,06
Huyện có số xã từ 5 xã đến dưới 7 xã	0,08
Huyện có số xã từ 7 xã đến dưới 10 xã	0,10
Huyện có số xã từ 10 xã đến dưới 15 xã	0,12

Huyện có số xã từ 15 xã trở lên	0,16
---------------------------------	------

Quy mô hộ nghèo

Quy mô hộ nghèo	Hệ số
Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 2.500 hộ	0,18
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 2.500 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,20
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,22
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ đến dưới 8.000 hộ	0,24
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 8.000 hộ trở lên	0,26

c) Định mức phân bổ vốn:

+ Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở ngành liên quan 60% tổng kinh phí phân bổ thực hiện Dự án 5 để thực hiện hoạt động nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá.

+ Giao UBND các huyện, thành phố 40% tổng kinh phí phân bổ thực hiện Dự án 5 để thực hiện hoạt động nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá.

Tổng kinh phí sự nghiệp bố trí cho một huyện, thành phố = A x X

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện, thành phố được xác định như sau:

$$A = \frac{\left(\begin{array}{c} \text{Tổng kinh phí sự nghiệp} \\ \text{của Trung ương giao cho tỉnh} \\ \text{thực hiện Dự án 5} \end{array} \right) - \left(\begin{array}{c} \text{Kinh phí giao cho} \\ \text{Sở Lao động Thương binh và Xã hội} \\ \text{và các sở ngành liên quan} \end{array} \right)}{\text{Tổng hệ số đơn vị hành chính của các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh}}$$

X: Tổng các hệ số theo nhóm tiêu chí (hệ số đơn vị hành chính + hệ số theo quy mô hộ nghèo)."

5. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Hàng năm, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình (các huyện đồng bằng: Ngân sách huyện 5%, ngân sách tỉnh 10%; các huyện miền núi: Ngân sách huyện 2%, ngân sách tỉnh 13%); thực hiện theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức tại nghị quyết này và nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh; riêng đối với nguồn kinh phí đối ứng của tỉnh tập trung thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh".

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XII, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2018. Những nội dung khác của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỉ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh không sửa đổi tại Nghị Quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành./.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân